

TỜ TRÌNH

Ban hành Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Công văn số 73/HĐND-TT ngày 20/5/2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau đây gọi là Nghị quyết) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 14 Nghị quyết quy phạm pháp luật quy định 20 khoản phí, lệ phí để thực hiện trên địa bàn tỉnh; tuy nhiên, ngày 29/11/2019, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thay thế Thông tư số 250/2016/TT-BTC. Theo quy định tại khoản 4 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: “*văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực*” và điểm a khoản 2 Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ: “*văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành các điều, khoản, điểm được giao quy định chi tiết thi hành văn bản đó đồng thời hết hiệu lực*”.

Riêng Phí thăm quan di tích lịch sử (đối với di tích thuộc địa phương quản lý), Phí thăm quan công trình văn hóa (đối với công trình thuộc địa phương quản lý) chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo Thông tư số 250/2016/TT-BTC; nay căn cứ vào mức độ đầu tư các công trình di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh và tình hình thực tế xét thấy cần phải ban hành để tạo nguồn thu thực hiện công tác bảo quản, tu bổ và quản lý các di tích, công trình văn hoá, bù đắp chi phí, góp phần giảm chi ngân sách.

Do có sự thay đổi về căn cứ pháp lý, cũng như tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xét thấy việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau để thay thế các Nghị quyết về phí và lệ phí đã ban hành trước đây là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc xây dựng, ban hành Nghị quyết nhằm tạo căn cứ pháp lý để thực hiện việc thu, nộp, quản lý, sử dụng các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

- Quá trình nghiên cứu, xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo tuân thủ và bám sát theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Nội dung Nghị quyết phải phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh; đảm bảo tính kế thừa các Nghị quyết trước đây của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí, lệ phí; đồng thời, có sự tham khảo mức thu của các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng với tỉnh Cà Mau.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Công văn số 73/HĐND-TT ngày 20/5/2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 3137/UBND-KT ngày 22/5/2020; theo đó, căn cứ chức năng quản lý nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo, phân công các cơ quan chức năng xây dựng Đề án thu phí, lệ phí gửi Sở Tài chính để thẩm định; Sở Tài chính căn cứ Đề án đã được hoàn thiện theo ý kiến thẩm định để xây dựng dự thảo Nghị quyết và tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị có liên quan; đồng thời, đăng tải trên Công Thông tin điện tử tỉnh để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân, Sở Tài chính đã tiếp thu và hoàn chỉnh nội dung dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, gửi Sở Tư pháp thẩm định (Sở Tư pháp đã thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 238/BC-STP ngày 11/6/2020) và trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định. Ngày 17/6/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã lấy ý kiến của các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 3636/UBND-TH và thống nhất trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm có 03 điều như sau:

- Điều 1: Ban hành kèm theo Nghị quyết này Danh mục các khoản phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau.
- Điều 2: Tổ chức thực hiện.
- Điều 3: Điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC và tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng quy định về cơ quan thu, đối tượng nộp, chế độ miễn, giảm, mức thu và quản lý, sử dụng 14 khoản phí và 7 khoản lệ phí; trong đó, ban hành mới 02 khoản phí là Phí thăm quan di tích lịch sử và Phí thăm quan công trình văn hóa do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng Đề án; bỏ 01 khoản phí (Phí thăm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết) và 01 nội dung của 01 khoản phí (Phí thăm định phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung) do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án. Về nội dung, ngoài 02 khoản phí được ban hành mới nêu trên và 01 khoản phí có thay đổi về nội dung (Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống) do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Đề án thì các khoản phí, lệ phí còn lại về cơ bản không thay đổi so với nội dung đã ban hành trước đây (cơ quan thu, đối tượng nộp, chế độ miễn, giảm, mức thu và quản lý, sử dụng).

(Nội dung chi tiết theo dự thảo Nghị quyết kèm theo).

Trên đây là Tờ trình ban hành Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Báo cáo thẩm định số 238/BC-STP ngày 11/6/2020 của Sở Tư pháp; (3) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định số 139/BC-STC ngày 12/6/2020 của Sở Tài chính; (4) Báo cáo tổng hợp, giải trình ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân số 132/BC-STC ngày 08/6/2020 và 133/BC-STC ngày 08/6/2020 của Sở Tài chính; (5) Các ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân và các văn bản khác có liên quan (gửi qua VIC)).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh (để biết);
- Các ban HĐND tỉnh;
- Các Thành viên UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh (theo dõi);
- Các sở: Tài chính, Tư pháp;
- Phòng TH (Đa);
- Lưu: VT, KT (Đ06.12) (01b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi

Số: /2020/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng 7 năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày tháng 6 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Danh mục các khoản phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực:

a) Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án

bảo vệ môi trường chi tiết; phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

b) Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

c) Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; đề án khai thác, sử dụng nước mặt; đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi và hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

d) Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

đ) Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, rừng giống trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

e) Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

g) Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Phí đăng ký giao dịch bảo đảm và cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

h) Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

i) Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Lệ phí đăng ký cư trú, cấp Chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

k) Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

l) Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

m) Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

n) Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

o) Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Phí thư viện trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Y tế, Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, TP Cà Mau;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Hiện

DANH MỤC

Các khoản phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2020/NQ-HĐND
ngày ... tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)*

Điều 1. Các khoản phí

1. Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, rừng giống, vườn giống, cây trồng lâm nghiệp

a) Tổ chức thu: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Đối tượng nộp: các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp thuộc danh mục các loài cây trồng lâm nghiệp do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

c) Mức thu

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Bình tuyển, công nhận cây mẹ (cây trội), cây đầu dòng	01 lần/01 cây	450.000
2	Bình tuyển, công nhận lâm phần tuyển chọn	01 lần/01 hồ sơ	600.000
3	Bình tuyển, công nhận rừng giống chuyển hóa	01 lần/01 hồ sơ	2.400.000
4	Bình tuyển, công nhận rừng giống trồng	01 lần/01 hồ sơ	2.400.000
5	Bình tuyển, công nhận vườn giống	01 lần/01 hồ sơ	2.400.000
6	Bình tuyển, công nhận vườn cây đầu dòng	01 lần/01 hồ sơ	2.400.000

d) Quản lý, sử dụng

Tổ chức thu phí được trích 80% số tiền phí thu được để chi cho các hoạt động bình tuyển, công nhận và nộp 20% vào ngân sách nhà nước.

Tổ chức thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng, quyết toán và công khai tài chính theo quy định hiện hành.

2. Phí thăm quan di tích lịch sử

a) Tổ chức thu: Công An tỉnh Cà Mau.

b) Đối tượng nộp: khách thăm quan Di tích Quốc gia - Điểm Du lịch Hòn Đá Bạc, bao gồm khách là người Việt Nam và người nước ngoài.

c) Đối tượng được miễn, giảm thu phí

Miễn phí thăm quan đối với các trường hợp sau:

Người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật.

Trẻ em từ 6 tuổi trở xuống.

Tại Di tích Quốc gia - Điểm Du lịch Hòn Đá Bạc còn áp dụng cho các đối tượng được miễn thu phí như: những người tham gia chuyên án CM12; cán bộ, chiến sỹ lực lượng Công an nhân dân (kể cả cán bộ, chiến sỹ Công an nghỉ chờ hưu, nghỉ hưu); cán bộ hưu trí; cựu chiến binh; lực lượng quân sự, biên phòng; cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; nhân dân xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời.

Giảm 50% phí thăm quan đối với các trường hợp sau:

Người được hưởng chính sách ưu đãi văn hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa”. Trường hợp khó xác định là người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa thì phải có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú.

Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật.

Người cao tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người cao tuổi (phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp pháp khác chứng minh là người cao tuổi).

d) Mức thu

Người lớn: 25.000 đồng/người/lượt;

Trẻ em: 12.000 đồng/người/lượt.

đ) Quản lý, sử dụng

Đơn vị thu phí được để lại 100% trên tổng số phí thu được để phục vụ cho công tác thu phí.

Tổ chức thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng, quyết toán và công khai tài chính theo quy định hiện hành.

3. Phí thăm quan công trình văn hóa

a) Tổ chức thu: Ban Quản lý Khu Du lịch Quốc gia Mũi Cà Mau trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Đối tượng nộp: khách thăm quan Khu Du lịch Quốc gia Mũi Cà Mau, bao gồm khách là người Việt Nam và người nước ngoài.

c. Đối tượng được miễn, giảm

Miễn phí thăm quan đối với các trường hợp sau:

Người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ;

Trẻ em từ 6 tuổi trở xuống;

Học sinh tiểu học, trung học cơ sở trong tỉnh do nhà trường tổ chức thăm quan ngoại khóa và có đăng ký với Ban Quản lý Khu Du lịch Quốc gia Mũi Cà Mau.

Giảm 50% phí thăm quan đối với các trường hợp sau:

Người được hưởng chính sách ưu đãi văn hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp khó xác định là người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa thì phải có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú;

Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ;

Người cao tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ (phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp pháp khác chứng minh là người cao tuổi).

Ngoài ra còn áp dụng cho các đối tượng được giảm như: các đối tượng hộ nghèo (có xác nhận của chính quyền địa phương), đồng bào dân tộc thiểu số ở những xã trên địa bàn tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; sinh viên các trường đại học, cao đẳng,... trong tỉnh do nhà trường tổ chức thăm quan ngoại khóa và có đăng ký với Ban Quản lý Khu Du lịch Quốc gia Mũi Cà Mau.

d) Mức thu

Người lớn: 30.000 đồng/người/lượt.

Trẻ em: 15.000 đồng/người/lượt.

đ) Quản lý, sử dụng

Đơn vị thu phí được để lại 100% trên tổng số phí thu được để chi cho công tác thu phí.

Tổ chức thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng, quyết toán và công khai tài chính theo quy định hiện hành.

4. Phí thăm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp

a) Tổ chức thu: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Đối tượng thu: các tổ chức, doanh nghiệp có yêu cầu và được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Mức thu

Thẩm định, cấp mới giấy chứng nhận: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.

Thẩm định điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận: 500.000 đồng/giấy chứng nhận.

d) Quản lý sử dụng

Tổ chức thu phí được trích 90% số phí thu được để chi cho hoạt thẩm định và nộp 10% còn lại nộp vào ngân sách nhà nước.

Tổ chức thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng, quyết toán và công khai tài chính theo quy định hiện hành.

5. Phí thư viện

a) Tổ chức thu: Thư viện tỉnh Cà Mau; Thư viện các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là thư viện cấp huyện).

b) Đối tượng nộp: cá nhân có nhu cầu đọc, mượn tài liệu, sử dụng phòng đọc đa phương tiện, phòng đọc tài liệu quý hiếm và các phòng đọc đặc biệt khác của Thư viện tỉnh và thư viện cấp huyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

c) Đối tượng được miễn, giảm

Miễn phí đối với người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ.

Giảm 50% mức phí thư viện đối với các trường hợp sau:

Trẻ em dưới 16 tuổi;

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ;

Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ.

d) Mức thu

Đọc, mượn tài liệu phổ thông: 20.000 đồng/người/năm.

Sử dụng phòng đọc đa phương tiện, phòng đọc tài liệu quý hiếm, phòng đọc đặc biệt khác đối với người từ 16 tuổi trở lên: 70.000 đồng/người/năm.

Mức thu tại thư viện cấp huyện bằng 50% mức thu tại Thư viện tỉnh.

Cá nhân có nhu cầu sử dụng phòng đọc không thường xuyên được tham khảo tài liệu tại chỗ: 5.000 đồng/người/lượt.

đ) Quản lý, sử dụng

Tổ chức thu phí được trích 90% trên tổng số tiền phí thu được để phụ vụ cho hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí; 10% còn lại nộp vào ngân sách nhà nước.

Tổ chức thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng, quyết toán và công khai tài chính theo quy định hiện hành.

6. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

a) Tổ chức thu: Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Đối tượng nộp: chủ đầu tư các dự án, chủ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gửi hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

c) Mức thu

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Nhóm dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)				
		≤50	>50 và ≤100	>100 và ≤200	>200 và ≤500	>500
1	Nhóm 1: dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5,0	6,5	12,0	14,0	17,0
2	Nhóm 2: dự án công trình dân dụng	6,9	8,5	15,0	16,0	25,0
3	Nhóm 3: dự án hạ tầng kỹ thuật	7,5	9,5	17,0	18,0	25,0
4	Nhóm 4: dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi	7,8	9,5	17,0	18,0	24,0
5	Nhóm 5: dự án giao thông	8,1	10,0	18,0	20,0	25,0
6	Nhóm 6: dự án công nghiệp	8,4	10,5	19,0	20,0	26,0
7	Nhóm 7: dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5,0	6,0	10,8	12,0	15,6

Đối với các dự án thuộc từ 02 nhóm trở lên thì áp dụng mức phí của nhóm có mức thu cao nhất. Trường hợp thẩm định lại (khi lần đầu chưa được thông qua) bằng 50% mức thu.

đ) Quản lý, sử dụng

Tổ chức thu phí được trích 70% số tiền phí thu được để chi cho hoạt động thẩm định và nộp 30% vào ngân sách nhà nước

Tổ chức thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng, quyết toán và công khai tài chính theo quy định hiện hành.

7. Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Tổ chức thu: Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Đối tượng nộp: chủ đầu tư các dự án, chủ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gửi hồ sơ đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

c) Mức thu

STT	Tổng vốn đầu tư dự án (tỷ đồng)	Mức phí thẩm định (triệu đồng)
1	≤10	4
2	>10 đến ≤20	6
3	>20 đến ≤50	10
4	>50 đến ≤100	18
5	>100 đến ≤200	20
6	>200 đến ≤500	26
7	>500	29,3

d) Quản lý, sử dụng

Tổ chức thu phí được trích 70% số tiền phí thu được để chi cho hoạt động thẩm định và nộp 30% vào ngân sách nhà nước

Tổ chức thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng, quyết toán và công khai tài chính theo quy định hiện hành.

8. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

a) Tổ chức thu: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Cà Mau và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố Cà Mau.

b) Đối tượng nộp

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đăng ký, nộp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhu cầu thẩm định.

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thẩm định để giao đất, cho thuê đất và đối với trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; cấp mới, cấp đổi, cấp lại do biến động, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

c) Đối tượng được miễn: hộ nghèo và hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

d) Mức thu

Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân:

Đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh tại các phường, thị trấn, mức thu 250.000 đồng/hồ sơ;

Đất ở và các loại đất khác tại các phường, thị trấn, mức thu 200.000 đồng/hồ sơ;

Đất phi nông nghiệp, sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh tại các xã, mức thu 200.000 đồng/hồ sơ;

Đất ở và các loại đất khác, mức thu bằng 80% quy định tại mức thu nêu trên ứng với từng khu vực.

Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tổ chức:

Đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh:

Diện tích dưới 0,5 ha, mức thu 1.000.000 đồng/hồ sơ;

Diện tích từ 0,5 ha đến dưới 3 ha, mức thu 2.000.000 đồng/hồ sơ;

Diện tích từ 3 ha đến dưới 5 ha, mức thu 3.000.000 đồng/hồ sơ;

Diện tích từ 5 ha đến dưới 10 ha, mức thu 4.000.000 đồng/hồ sơ;

Diện tích trên 10 ha, mức thu 6.000.000 đồng/hồ sơ.

Đất ở và các loại đất khác, mức thu bằng 80% mức thu tương ứng với quy mô diện tích quy định nêu trên.

đ) Quản lý, sử dụng

Tổ chức thu phí được trích 90% số tiền phí thu được để chi cho hoạt động thẩm định và nộp 10% vào ngân sách nhà nước.

Tổ chức thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng, quyết toán và công khai tài chính theo quy định hiện hành.

9. Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất

a) Tổ chức thu: Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Đối tượng nộp: tổ chức, cá nhân có yêu cầu và được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng khai thác, sử dụng nước dưới đất.

c) Mức thu

Phí thẩm định đề án thăm dò nước dưới đất:

Đề án có lưu lượng nước dưới 200 m³/ngày đêm, mức thu 400.000 đồng/hồ sơ;

Đề án có lưu lượng nước từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 500 m³/ngày đêm, mức thu 1.100.000 đồng/hồ sơ;

Đề án có lưu lượng nước từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm, mức thu 2.600.000 đồng/hồ sơ;

Đề án có lưu lượng nước từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm, mức thu 5.000.000 đồng/hồ sơ.

Trường hợp thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung giấy phép, thu bằng 50% mức thu theo quy định tương ứng với các đề án có lưu lượng nước như trên.

Phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất:

Báo cáo có lưu lượng nước dưới 200 m³/ngày đêm, mức thu 400.000 đồng/hồ sơ;

Báo cáo có lưu lượng nước từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 500 m³/ngày đêm, mức thu 1.400.000 đồng/hồ sơ;

Báo cáo có lưu lượng nước từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm, mức thu 3.400.000 đồng/hồ sơ;

Báo cáo có lưu lượng nước từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm, mức thu 6.000.000 đồng/hồ sơ.

Trường hợp thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung giấy phép, thu bằng 50% mức thu theo quy định tương ứng với các báo cáo có lưu lượng nước như trên.

Phí thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất:

Báo cáo có lưu lượng nước dưới 200 m³/ngày đêm, mức thu 400.000 đồng/hồ sơ;

Báo cáo có lưu lượng nước từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 500 m³/ngày đêm, mức thu 1.100.000 đồng/hồ sơ;

Báo cáo có lưu lượng nước từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm, mức thu 2.600.000 đồng/hồ sơ;

Báo cáo có lưu lượng nước từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm, mức thu 5.000.000 đồng/hồ sơ.

Trường hợp thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung giấy phép, thu bằng 50% mức thu theo quy định tương ứng với các báo cáo có lưu lượng nước như trên.

d) Quản lý, sử dụng

Tổ chức thu phí được trích 80% số tiền phí thu được để chi cho hoạt động thẩm định và nộp 20% vào ngân sách nhà nước.

Tổ chức thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng, quyết toán và công khai tài chính theo quy định hiện hành.

10. Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất

a) Tổ chức thu: Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Đối tượng nộp: các cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu và được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất có công suất dưới 3.000 m³/ngày đêm.

c) Mức thu: 1.400.000 đồng/hồ sơ.

d) Quản lý, sử dụng

Tổ chức thu phí được trích 80% số tiền phí thu được để chi cho hoạt động thẩm định và nộp 20% vào ngân sách nhà nước.

Tổ chức thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng, quyết toán và công khai tài chính theo quy định hiện hành.

11. Phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt

a) Đơn vị thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Đối tượng nộp: các tổ chức, cá nhân có yêu cầu và được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt.

c) Mức thu

Đề án, báo cáo có lưu lượng nước lớn hơn 100 m³/ngày đêm đến dưới 10.000 m³/ngày đêm, mức thu 600.000 đồng/hồ sơ;

Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 10.000 m³/ngày đêm đến dưới 20.000 m³/ngày đêm, mức thu 1.800.000 đồng/hồ sơ;

Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 20.000 m³/ngày đêm đến dưới 30.000 m³/ngày đêm, mức thu 4.400.000 đồng/hồ sơ;

Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 30.000 m³/ngày đêm đến dưới 50.000 m³/ngày đêm, mức thu 8.400.000 đồng/hồ sơ.

Trường hợp thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung giấy phép, thu bằng 50% mức thu theo quy định tương ứng với các đề án, báo cáo có lưu lượng nước như trên.

d) Quản lý, sử dụng

Tổ chức thu phí được trích 80% số tiền phí thu được để chi cho hoạt động thẩm định và nộp 20% vào ngân sách nhà nước.

Tổ chức thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng, quyết toán và công khai tài chính theo quy định hiện hành.

12. Phí thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi

a) Tổ chức thu: Sở Tài nguyên và Môi trường thu phí thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thu phí thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào công trình thủy lợi.

b) Đối tượng nộp: các tổ chức, cá nhân có yêu cầu và được Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi.

c) Mức thu

Đề án, báo cáo có lưu lượng nước xả dưới 100 m³/ngày đêm, mức thu 600.000 đồng/hồ sơ;

Đề án, báo cáo có lưu lượng nước xả từ 100 m³/ngày đêm đến dưới 500 m³/ngày đêm, mức thu 1.800.000 đồng/hồ sơ;

Đề án, báo cáo có lưu lượng nước xả từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 2.000 m³/ngày đêm, mức thu 4.400.000 đồng/hồ sơ;

Đề án, báo cáo có lưu lượng nước xả từ 2.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm, mức thu 8.400.000 đồng/hồ sơ.

Trường hợp thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung giấy phép, thu bằng 50% mức thu theo quy định tương ứng với các đề án, báo cáo có lưu lượng nước như trên.

d) Quản lý, sử dụng

Tổ chức thu phí được trích 80% số tiền phí thu được để chi cho hoạt động thẩm định và nộp 20% vào ngân sách nhà nước.

Tổ chức thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng, quyết toán và công khai tài chính theo quy định hiện hành.

13. Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai

a) Tổ chức thu: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Cà Mau, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố Cà Mau và Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Đối tượng nộp: tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai trên địa bàn tỉnh.

c) Đối tượng không thu và miễn thu

Không thu phí cung cấp thông tin dữ liệu đất đai để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước;

Miễn thu phí đối với hộ nghèo và hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

d) Mức thu

Mức thu phí cung cấp hồ sơ dữ liệu đất đai bằng văn bản trực tiếp hoặc qua đường bưu điện (chưa bao gồm phí bưu điện):

Dưới 10 trang A₄, mức thu 150.000 đồng/hồ sơ;

Từ 10 đến 20 trang A₄, mức thu 250.000 đồng/hồ sơ;

Trên 20 trang A₄, mức thu 300.000 đồng/hồ sơ.

Cung cấp hồ sơ dữ liệu đất đai qua internet hoặc chép file qua đĩa cứng:

Dưới 10 trang A₄, mức thu 120.000 đồng/hồ sơ;

Từ 10 đến 20 trang A₄, mức thu 200.000 đồng/hồ sơ;

Trên 20 trang A₄, mức thu 250.000 đồng/hồ sơ.

Cung cấp trực tiếp bản đồ chuyên đề, bản đồ địa chính:

Bản đồ A₀, mức thu 175.000 đồng/mảnh;

Bản đồ A₁, mức thu 80.000 đồng/mảnh;

Bản đồ A₂, mức thu 40.000 đồng/mảnh;

Cung cấp bản đồ chuyên đề, bản đồ địa chính qua internet hoặc chép file qua đĩa cứng, mức thu 80.000 đồng/mảnh.

đ) Quản lý, sử dụng

Tổ chức thu phí được trích 90% số tiền phí thu được để chi cho hoạt động cung cấp hồ sơ dữ liệu đất đai và nộp 10% vào ngân sách Nhà nước.

Tổ chức thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng, quyết toán và công khai tài chính theo quy định hiện hành.

14. Phí đăng ký giao dịch bảo đảm và cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm

a) Tổ chức thu phí: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố Cà Mau.

b) Đối tượng nộp phí: tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi yêu cầu đăng ký và cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm.

c) Đối tượng không thu và miễn thu

Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm do lỗi của người thực hiện đăng ký;

Hộ gia đình, cá nhân khi đăng ký giao dịch bảo đảm để vay vốn tại tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 4, Điều 9 của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên của Chấp hành viên theo quy định của pháp luật về thi hành án;

Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên;

Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng;

Cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

d) Mức thu

Phí đăng ký giao dịch bảo đảm:

Đăng ký giao dịch bảo đảm, mức thu 80.000 đồng/hồ sơ;

Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm, mức thu 70.000 đồng/hồ sơ;

Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký, mức thu 60.000 đồng/hồ sơ;

Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm: 20.000 đồng/hồ sơ.

Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm: 30.000 đồng/hồ sơ.

đ) Quản lý, sử dụng

Tổ chức thu phí được trích 90% số tiền phí thu được để chi cho hoạt động đăng ký, cung cấp thông tin và nộp 10% vào ngân sách Nhà nước.

Tổ chức thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng, quyết toán và công khai tài chính theo quy định hiện hành.

Điều 2. Các khoản lệ phí

1. Lệ phí đăng ký cư trú

a) Tổ chức thu: Công an tỉnh; Công an cấp huyện; Công an cấp xã.

b) Đối tượng nộp: hộ gia đình, cá nhân thường trú, tạm trú trên địa bàn tỉnh có yêu cầu và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký cư trú.

c) Đối tượng không thu và miễn thu

Không thu lệ phí cấp đổi, cấp lại, đính chính sổ hộ khẩu, sổ tạm trú đối với các trường hợp do sai sót của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vì lý do nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đổi tên đường phố, đổi số nhà;

Miễn thu lệ phí đăng ký cư trú đối với các đối tượng là Bà mẹ Việt Nam anh hùng; cha, mẹ, vợ (chồng) của liệt sỹ; thương binh và người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; người cao tuổi; người khuyết tật; cá nhân, hộ gia đình có sổ hộ nghèo, sổ cận nghèo theo quy định của pháp luật; người dưới 18 tuổi mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa.

d) Mức thu

Mức thu lệ phí đăng ký cư trú đối với hộ gia đình hoặc cá nhân tại các phường:

Cấp mới, cấp lại, cấp đổi sổ hộ khẩu; sổ tạm trú cho hộ gia đình hoặc cá nhân: 20.000 đồng/lần cấp;

Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ gia đình hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú: 20.000 đồng/lần đăng ký;

Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú: 10.000 đồng/lần điều chỉnh;

Gia hạn tạm trú: 10.000 đồng/lần gia hạn.

Mức thu lệ phí đăng ký cư trú đối với hộ gia đình hoặc cá nhân tại các xã, thị trấn bằng 50% mức thu tương ứng tại các phường.

đ) Quản lý, sử dụng

Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Chi phí cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách hiện hành.

2. Lệ phí cấp Chứng minh nhân dân

a) Tổ chức thu: Công an tỉnh; Công an cấp huyện.

b) Đối tượng nộp: cá nhân thường trú, tạm trú trên địa bàn tỉnh có yêu cầu và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Chứng minh nhân dân.

c) Đối tượng không thu và miễn thu

Không thu lệ phí cấp đổi, cấp lại đối với các trường hợp do sai sót của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc do nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đổi tên đường phố, đổi số nhà;

Miễn lệ phí cấp Chứng minh nhân dân đối với các đối tượng là Bà mẹ Việt Nam anh hùng; cha, mẹ, vợ (chồng) của liệt sỹ; thương binh và người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; người cao tuổi; người khuyết tật; cá nhân, hộ gia đình có sổ hộ nghèo, sổ cận nghèo theo quy định của pháp luật; người dưới 18 tuổi mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa.

d) Mức thu

Mức thu lệ phí cấp Chứng minh nhân dân lần đầu, cấp lại, cấp đổi cho người có hộ khẩu thường trú tại các phường: 10.000 đồng/lần cấp, không bao gồm tiền chụp ảnh;

Mức thu lệ phí cấp Chứng minh nhân dân đối với hộ gia đình hoặc cá nhân tại các xã, thị trấn bằng 50% mức thu tương ứng tại các phường.

đ) Quản lý, sử dụng

Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Chi phí cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách hiện hành.

3. Lệ phí hộ tịch

a) Tổ chức thu: Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Đối tượng nộp: cá nhân có yêu cầu đăng ký hộ tịch.

c) Đối tượng được miễn thu

Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật;

Đăng ký khai sinh đúng hạn, đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký giám hộ, đăng ký chấm dứt giám hộ, đăng ký kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

d) Mức thu

Mức thu lệ phí đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã:

Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân; đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử; xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác; đăng ký hộ tịch khác: 8.000 đồng/lần đăng ký;

Đăng ký nhận cha, mẹ, con; đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước; cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: 15.000 đồng/lần đăng ký;

Đăng ký lại kết hôn: 30.000 đồng/lần đăng ký.

Mức thu lệ phí đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc trong nước và có yếu tố nước ngoài: 28.000 đồng/lần đăng ký;

Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài: 70.000 đồng/lần đăng ký;

Đăng ký khai sinh đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân có yếu tố nước ngoài; đăng ký khai tử đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài; đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài; ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; đăng ký hộ tịch khác có yếu tố nước ngoài: 75.000 đồng/lần đăng ký;

Đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài; đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài: 1.500.000 đồng/lần đăng ký.

đ) Quản lý, sử dụng

Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Chi phí cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách hiện hành.

4. Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh

a) Tổ chức thu: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Đối tượng nộp: tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh Cà Mau có sử dụng lao động người nước ngoài.

c) Mức thu

Cấp mới giấy phép lao động: 600.000 đồng/01 giấy phép;

Cấp lại giấy phép lao động: 450.000 đồng/01 giấy phép.

d) Quản lý, sử dụng

Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Chi phí cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách hiện hành.

5. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

a) Tổ chức thu: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Cà Mau, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố Cà Mau.

b) Đối tượng nộp: tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận trên địa bàn tỉnh.

c) Đối tượng miễn thu: hộ nghèo và hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh.

d) Mức thu

Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường, thị trấn:

Cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất: 100.000 đồng/giấy;

Cấp đổi, cấp lại, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận): 50.000 đồng/giấy;

Cấp mới Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy;

Cấp đổi, cấp lại, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận): 20.000 đồng/giấy;

Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 25.000 đồng/lần;

Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần;

Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các xã: mức thu bằng 50% mức thu tương ứng tại các phường, thị trấn.

Đối với tổ chức:

Cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất: 500.000 đồng/giấy;

Cấp mới Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy;

Cấp đổi, cấp lại, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận): 50.000 đồng/giấy;

Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 30.000 đồng/lần;

Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần.

đ) Quản lý, sử dụng

Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Chi phí cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách hiện hành.

6. Lệ phí cấp giấy phép xây dựng

a) Tổ chức thu: tổ chức có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng.

b) Đối tượng nộp: các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được tổ chức có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng.

c) Đối tượng miễn thu: nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình nghèo, cận nghèo.

d) Mức thu

Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/01 giấy phép;

Cấp giấy phép xây dựng công trình khác: 150.000 đồng/01 giấy phép;

Trường hợp điều chỉnh, gia hạn, cấp lại (bản sao) giấy phép xây dựng: 15.000 đồng/01 lần.

đ) Quản lý, sử dụng

Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Chi phí cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách hiện hành.

7. Lệ phí đăng ký kinh doanh

a) Tổ chức thu: cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

b) Đối tượng nộp: hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

c) Mức thu

Hộ kinh doanh:

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới, chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh: 150.000 đồng/1 lần;

Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 75.000 đồng/1 lần.

Hợp tác xã:

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới, chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh: 150.000 đồng/1 lần;

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới, chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã: 100.000 đồng/1 lần;

Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã: 75.000 đồng/1 lần;

Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã: 50.000 đồng/1 lần.

Liên hiệp hợp tác xã:

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới, chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh: 200.000 đồng/1 lần;

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới, chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã: 100.000 đồng/1 lần;

Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh liên hiệp hợp tác xã: 100.000 đồng/1 lần;

Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã: 50.000 đồng/1 lần.

d) Quản lý, sử dụng

Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Chi phí cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách hiện hành./.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Hiện

Số: 238 /BC-STP

Cà Mau, ngày 11 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Dự thảo Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1743/STC-HCSN ngày 08/6/2020 về việc thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Qua nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các tài liệu có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng

a) *Phạm vi điều chỉnh*: Dự thảo Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau (Dự thảo Nghị quyết) đã thể hiện rõ phạm vi cần điều chỉnh.

b) *Đối tượng áp dụng*: Cơ quan chủ trì soạn thảo đã nêu đầy đủ đối tượng áp dụng của dự thảo văn bản, phù hợp với phạm vi điều chỉnh được giao.

2. Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất

a) *Tính hợp hiến*: Qua kết quả rà soát, đối chiếu Hiến pháp năm 2013, nhận thấy: Dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với nội dung và những nguyên tắc cơ bản được quy định theo Hiến pháp năm 2013.

b) *Tính hợp pháp*: Dự thảo Nghị quyết đã thực hiện quy trình lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động (góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh). Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến đóng góp, hoàn chỉnh lại dự thảo Nghị quyết theo đúng trình tự xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Nội dung dự thảo Nghị quyết định được xây dựng trên cơ sở quy định chi tiết thi hành Điều 2 và Điều 3 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Công văn số 73/HĐND-TT ngày 20/5/2020 của Thường trực HĐND tỉnh. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết được thực hiện đảm bảo đúng nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

c) *Tính thống nhất với hệ thống pháp luật*: Dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở quy định của hệ thống pháp luật, gồm: Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật phí và lệ phí ngày 25/11/2015; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số

điều của phí và lệ phí; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đảm bảo tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

d) *Tính khả thi*: Dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo tính khả thi. Tuy nhiên, còn một số nội dung cần nghiên cứu, điều chỉnh để đảm bảo tính toàn diện, phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế của địa phương, được nêu tại mục 3 của Báo cáo thẩm định này.

3. Nội dung dự thảo

a) Dự thảo Nghị quyết

- Điều 1: Đối với cụm từ “Kèm theo Phụ lục danh mục các loại phí, lệ phí”, cần điều chỉnh cho phù hợp. Vì nội dung kèm theo là “*Danh mục các khoản phí và lệ phí*”.

- Điều 3:

+ Trình bày nội dung Điều 3 theo bố cục “*Điều, khoản, điểm*” cho dễ áp dụng, cụ thể như sau:

“*Điều 3...*”

1. *Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau...*

2. *Các Nghị quyết sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực:*

a) *Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND...*

b) *Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND...*

.....”

+ Chuyển nội dung “*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày...tháng ...năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng ...năm 2020*” xuống cuối Điều cho phù hợp với Mẫu số 16 ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

+ Điều chỉnh cụm từ “*Các Nghị quyết sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực:*” theo hướng sau “*Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì các Nghị quyết sau hết hiệu lực:*”

b) Dự thảo Danh mục

- Điều chỉnh “phần A, B” thành “Phần I, II” cho phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ “số thứ tự của phần, chương dùng chữ số La Mã”.

- Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ dự thảo về việc trình bày “*không sử dụng ký hiệu khác (-) để thể hiện các ý*” cho phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

- Đối với các mức thu phí và lệ phí: Cơ quan chủ trì soạn thảo cần thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 3085/UBND-KT ngày 21/5/2020 về việc theo dõi tiến độ tham mưu ban hành Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- Đối với tỷ lệ phần trăm (%) trích để lại của các mức phí: Cơ quan chủ trì soạn thảo cần giải trình cụ thể làm cơ sở để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Điểm b, mục 2, phần A (*Phí tham quan di tích lịch sử*): Việc quy định “đối tượng được miễn, giảm thu phí” chưa rõ ràng, cần xác định “*đối tượng được miễn thu phí*”. Đồng thời, đối với nội dung “Tổ chức ngoại khóa cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở trong tỉnh có liên hệ với Ban Quản lý Khu du lịch Quốc gia Mũi Cà Mau” trong khi điểm c, mục này quy định “Cơ quan thu phí (*Cơ quan quản lý*)” của Di tích lịch sử Quốc gia – Điểm du lịch Hòn Đá Bạc thuộc Công an tỉnh. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo cần nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp.

Mặt khác, theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính “*Miễn, giảm phí thăm quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa, bảo tàng đối với trẻ em, người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa, người khuyết tật, người cao tuổi theo quy định của pháp luật*”. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo quy định đối tượng được giảm “...*hộ nghèo (có xác nhận của chính quyền địa phương), đồng bào dân tộc thiểu số ở những xã trên địa bàn tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, sinh viên các trường đại học, cao đẳng...*”. Vấn đề này, cơ quan chủ trì soạn thảo cần nghiên cứu, tham mưu quy định cho chặt chẽ.

- Điểm b, mục 3, phần A (*Phí thăm quan công trình văn hóa*): Tương tự như đã góp ý tại điểm b, mục 2 của Danh mục này. Cơ quan chủ trì soạn thảo bám sát quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để nghiên cứu, điều chỉnh đối tượng được miễn, giảm thu phí cho phù hợp.

Đồng thời, cơ quan soạn thảo cần rà soát, xử lý đối với Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định tạm thời phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- Điểm a, mục 6, phần A (*Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường*): Theo điểm g, khoản 1, Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định “*Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường*”, do đó cơ quan chủ trì soạn thảo cần cân nhắc quy định đối tượng nộp phí đối với “*đề án bảo vệ môi trường chi tiết*”.

- Điểm a, mục 7, phần A (*Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường*): Bỏ cụm từ “*và phương án cải tạo, phục hồi môi trường thuộc*” vì thừa.

- Điểm a, mục 8, phần A (Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất): Điều chỉnh cụm từ “Đối tượng không phải nộp” thành “Đối tượng được miễn”.

- Mục 14, phần A (Phí đăng ký giao dịch bảo đảm và cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm): Tiêu đề cần điều chỉnh cụm từ “đảm bảo” thành “bảo đảm” cho phù hợp với điểm n và điểm o, khoản 1, Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Về ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo văn bản

Cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Ý kiến của Cơ quan thẩm định

Đối với dự thảo Nghị quyết được xây dựng đúng thẩm quyền, tuân thủ đúng quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Nội dung dự thảo Nghị quyết cơ bản đạt chất lượng, đảm bảo tính khả thi khi ban hành. Tuy nhiên, cơ quan chủ trì soạn thảo cần nghiên cứu, giải trình làm rõ và điều chỉnh những nội dung được nêu tại Báo cáo thẩm định này. Đồng thời, rà soát thận trọng các nội dung quy định về định mức thu phí, lệ phí tại các Đề án được lập, thẩm định cũng như các ý kiến đồng thuận của các ngành trước khi trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

Sở Tư pháp gửi Sở Tài chính biết để nghiên cứu, hoàn chỉnh dự thảo./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Giám đốc Sở;
- Đ/c S, K;
- Lưu: VT, XDKT&TDTHPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Hoàng Lộc

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 133 /BC-STC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 08 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO

Về việc giải trình ý kiến góp ý dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Kính gửi: Sở Tư pháp

Ngày 29/5/2020, Sở Tài chính có Công văn số 1649/STC-HCSN về việc lấy ý kiến đóng góp dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về phí và lệ phí. Hết thời gian đóng góp, Sở Tài chính đã nhận được 09/55 đơn vị lấy ý kiến đóng góp trực tiếp của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh. Trong đó, có 06 ý kiến góp ý thống nhất với nội dung của dự thảo, đối với các đơn vị không có ý kiến bằng văn bản xem như thống nhất với nội dung của dự thảo. Đối với ý kiến góp ý xây dựng dự thảo của các đơn vị Sở Tài chính xin tiếp thu và giải trình cụ thể như sau:

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo tuy nhiên cần điều chỉnh và bổ sung như sau:

Tại phần A các khoản phí "mục 5 phí thư viện, điểm d mức thu thứ tự 1 phần nội dung *đọc mượn* chỉnh lại thành *đọc mượn*. Phần B các khoản lệ phí Mục 6 lệ phí cấp phép xây dựng điểm c đối tượng miễn thu: *...hộ đình* bổ sung *hộ gia đình*".

Sở Tài chính xin tiếp thu và hoàn chỉnh lại dự thảo.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo của văn bản, tuy nhiên có một số nội dung góp ý như sau:

- Tại điểm b, mục 2 Phần A của danh mục Phí: Đối tượng không thu phí đề nghị sửa lại thành "Đối tượng được miễn, giảm thu phí" và bổ sung đối tượng được miễn, giảm thu phí (theo Đề án số 06/ĐA-SVHTTDL ngày 28/5/2020 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Sở Tài chính xin tiếp thu và hoàn chỉnh lại dự thảo

- Tại điểm b, mục 3 Phần A của danh mục Phí: Đối tượng không thu phí đề nghị sửa lại thành "Đối tượng được miễn, giảm thu phí" và bổ sung đối tượng được miễn, giảm thu phí (theo Đề án số 05/ĐA-SVHTTDL ngày 27/5/2020 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Sở Tài chính xin tiếp thu và hoàn chỉnh lại dự thảo.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Thống nhất với nội dung dự thảo. Tuy nhiên xin đính chính về đối tượng nộp.

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp *chính* thuộc danh mục giống cây trồng lâm nghiệp *chính* do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

Xin được đính chính lại

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp thuộc danh mục các loài cây trồng lâm nghiệp *chính* do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

Sở Tài chính xin tiếp thu nội dung đính chính và hoàn chỉnh lại dự thảo.

Trên đây là báo cáo giải trình ý kiến đóng góp dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau./ 1071 ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VP, HCSN (a).

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Dương Hữu Tăng

BÁO CÁO

Về việc tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Kính gửi: Sở Tư pháp

Ngày 29/5/2020, Sở Tài chính có Công văn số 1649/STC-HCSN về việc lấy ý kiến đóng góp dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về phí và lệ phí, Sở Tài chính đã nhận được hầu hết các ý kiến đóng góp của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau cụ thể như sau:

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo tuy nhiên cần điều chỉnh và bổ sung như sau:

Tại phần A các khoản phí “mục 5 phí thư viện, điểm d mức thu thứ tự 1 phần nội dung *đọc mượn* chỉnh lại thành *đọc mượn*. Phần B các khoản lệ phí Mục 6 lệ phí cấp phép xây dựng điểm c đối tượng miễn thu: *...hộ đình bổ sung hộ gia đình*”.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo của văn bản, tuy nhiên có một số nội dung góp ý như sau:

- Tại điểm b, mục 2 Phần A của danh mục Phí: Đối tượng không thu phí đề nghị sửa lại thành “*Đối tượng được miễn, giảm thu phí*” và *bổ sung đối tượng được miễn, giảm thu phí (theo Đề án số 06/ĐA-SVHTTDL ngày 28/5/2020 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*.

- Tại điểm b, mục 3 Phần A của danh mục Phí: Đối tượng không thu phí đề nghị sửa lại thành “*Đối tượng được miễn, giảm thu phí*” và *bổ sung đối tượng được miễn, giảm thu phí (theo Đề án số 05/ĐA-SVHTTDL ngày 27/5/2020 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Thống nhất với nội dung dự thảo. Tuy nhiên xin đính chính về đối tượng nộp.

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp *chính* thuộc danh mục giống cây trồng lâm nghiệp *chính* do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

Xin được đính chính lại

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp thuộc danh mục các loài cây trồng lâm nghiệp chính do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

4. Sở Nội vụ: Thống nhất với nội dung dự thảo.
5. Sở Công thương: Thống nhất với nội dung dự thảo.
6. Sở Xây dựng: Thống nhất với nội dung dự thảo.
7. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Thống nhất với nội dung dự thảo.
8. Sở Giáo dục và Đào tạo: Thống nhất với nội dung dự thảo.
9. Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi: Thống nhất với nội dung dự thảo.
10. Đối với các đơn vị chưa gửi ý kiến đóng góp xem như thống nhất với nội dung dự thảo của Nghị quyết.

Trên đây là báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VP, HCSN (a).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Dương Hữu Tăng



UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ TÀI CHÍNH
Số: 84 /TTr-STC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Cà Mau, ngày 12 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc ban hành Nghị quyết về phí và lệ phí
trên địa bàn tỉnh Cà Mau

K^o phó
Bộ phận 84

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 3137/UBND-KT ngày 22/5/2020 về việc tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí.

Sở Tài chính đã tiến hành xây dựng dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau và đã tiến hành lấy ý kiến đóng góp của các sở, ban ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Cà Mau; đồng thời đăng trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Cà Mau tại Công văn số 1649/STC-HCSN ngày 29/5/2020. Sở Tài chính đã tổng hợp, tiếp thu có chọn lọc, giải trình các ý kiến góp ý dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (nêu trên). Đồng thời gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các sở, ban ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Cà Mau, và báo cáo thẩm định số 238/BC-STP ngày 11/6/2020 của Sở Tư pháp, Sở Tài chính đã tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Hồ sơ gửi kèm: (1) dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; (2) Báo cáo thẩm định; (3) Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định; (4) Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của các đơn vị; (5) Văn bản góp ý của các đơn vị.

Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định. / *Đoàn Quốc Khởi*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VP, HCSN (a).



Đoàn Quốc Khởi

BÁO CÁO

Về việc tiếp thu, giải trình Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp Đối với dự thảo Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

Sở Tài chính nhận được Báo cáo thẩm định số 238/BC-STP ngày 11/6/2020 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Sau khi nghiên cứu nội dung Báo cáo thẩm định, Sở Tài chính tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và thực hiện hiệu chỉnh dự thảo Nghị quyết. Ngoài ra, Sở Tài chính báo cáo giải trình các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, cụ thể như sau:

1. Tại Điểm b Dự thảo Danh mục:

- **Sở Tư pháp góp ý:** Đối với tỷ lệ phần trăm (%) trích để lại của các mức phí, cơ quan chủ trì soạn thảo cần giải trình cụ thể làm cơ sở để Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

- **Sở Tài chính giải trình như sau:** Đối với tỷ lệ phần trăm (%) trích để lại của các mức phí, Sở Tài chính xác định tỷ lệ để lại theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

2. Tại Điểm b, mục 2, phần A (*Phí thăm quan di tích lịch sử*):

- **Sở Tư pháp góp ý:** Việc quy định “đối tượng được miễn, giảm thu phí” chưa rõ ràng, cần xác định “*đối tượng được miễn thu phí*”. Đồng thời, đối với nội dung “Tổ chức ngoại khóa cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở trong tỉnh có liên hệ với Ban Quản lý Khu du lịch Quốc gia Mũi Cà Mau” trong khi điểm c, mục này quy định “Cơ quan thu phí (*Cơ quan quản lý*)” của Di tích lịch sử Quốc gia – Điểm du lịch Hòn Đá Bạc thuộc Công an tỉnh. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo cần nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp.

Mặt khác, theo quy định tại tại điểm d, khoản 1, Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính “*Miễn, giảm phí thăm quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa, bảo tàng đối với trẻ em, người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa, người khuyết tật, người cao tuổi theo quy định của pháp luật*”. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo quy định đối tượng được giảm “...*hộ nghèo (có xác nhận của chính quyền địa phương), đồng bào dân tộc thiểu số ở những xã trên địa bàn*

tình có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, sinh viên các trường đại học, cao đẳng...". Vấn đề này, cơ quan chủ trì soạn thảo cần nghiên cứu, tham mưu quy định cho chặt chẽ.

- **Sở Tài chính giải trình như sau:** Do sơ suất trong khâu soạn thảo văn bản, do đó Sở Tài chính tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và thực hiện hiệu chỉnh dự thảo.

3. Tại Điểm b, mục 3, phần A (Phí thăm quan công trình văn hóa):

- **Sở Tư pháp góp ý:** Tương tự như đã góp ý tại điểm b, mục 2 của Danh mục này. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bám sát quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để nghiên cứu, điều chỉnh đối tượng được miễn, giảm thu phí cho phù hợp.

Đồng thời, cơ quan soạn thảo cần rà soát, xử lý đối với Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định tạm thời phí thăm quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- **Sở Tài chính giải trình như sau:** Sở Tài chính tiếp thu và bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.

4. Về việc đóng góp của Sở Tài nguyên và Môi trường:

Sau khi hết thời hạn lấy ý kiến đóng góp (ngày 07/6/2020), Sở Tài chính đã hoàn chỉnh dự thảo đề nghị Sở Tư pháp thẩm định thì ngày 09/6/2020, Sở Tài chính nhận được Công văn số 1385/STNMT-VP của Sở Tài nguyên và Môi Trường về việc góp ý nội dung dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí, theo đó, tại mục 4 của công văn đơn vị góp ý như sau: "Tại mục 12, phần A của dự thảo Danh mục các khoản phí và lệ phí xin điều chỉnh lại thành mục 10 và tại điểm b mục này bổ sung thêm cơ quan thu phí đề án, báo cáo xả nước thải vào công trình thủy lợi là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn".

Xét thấy ý kiến góp ý của Sở Tài nguyên và Môi trường phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 13 và khoản 2 Điều 17 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy Lợi. Do đó, Sở Tài chính tiếp thu và thực hiện hiệu chỉnh dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là báo cáo tiếp thu ý kiến và giải trình của Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (phối hợp);
- Ban Giám đốc (VIC);
- Lưu: VT, HCSN (M.Kha).

GIÁM ĐỐC



Đoàn Quốc Khởi

BÁO CÁO

Về việc tiếp thu, giải trình Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp
Đối với dự thảo Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

Sở Tài chính nhận được Báo cáo thẩm định số 238/BC-STP ngày 11/6/2020 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Sau khi nghiên cứu nội dung Báo cáo thẩm định, Sở Tài chính tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và thực hiện hiệu chỉnh dự thảo Nghị quyết. Ngoài ra, Sở Tài chính báo cáo giải trình các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, cụ thể như sau:

1. Tại Điểm b Dự thảo Danh mục:

- Sở Tư pháp góp ý: Đối với tỷ lệ phần trăm (%) trích để lại của các mức phí, cơ quan chủ trì soạn thảo cần giải trình cụ thể làm cơ sở để Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

- Sở Tài chính giải trình như sau: Đối với tỷ lệ phần trăm (%) trích để lại của các mức phí, Sở Tài chính xác định tỷ lệ để lại theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

2. Tại Điểm b, mục 2, phần A (Phí thăm quan di tích lịch sử):

- Sở Tư pháp góp ý: Việc quy định “đối tượng được miễn, giảm thu phí” chưa rõ ràng, cần xác định “đối tượng được miễn thu phí”. Đồng thời, đối với nội dung “Tổ chức ngoại khóa cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở trong tỉnh có liên hệ với Ban Quản lý Khu du lịch Quốc gia Mũi Cà Mau” trong khi điểm c, mục này quy định “Cơ quan thu phí (Cơ quan quản lý)” của Di tích lịch sử Quốc gia – Điểm du lịch Hòn Đá Bạc thuộc Công an tỉnh. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo cần nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp.

Mặt khác, theo quy định tại tại điểm d, khoản 1, Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính “Miễn, giảm phí thăm quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa, bảo tàng đối với trẻ em, người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa, người khuyết tật, người cao tuổi theo quy định của pháp luật”. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo quy định đối tượng được giảm “...hộ nghèo (có xác nhận của chính quyền địa phương), đồng bào dân tộc thiểu số ở những xã trên địa bàn

tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, sinh viên các trường đại học, cao đẳng...". Vấn đề này, cơ quan chủ trì soạn thảo cần nghiên cứu, tham mưu quy định cho chặt chẽ.

- **Sở Tài chính giải trình như sau:** Do sơ suất trong khâu soạn thảo văn bản, do đó Sở Tài chính tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và thực hiện hiệu chỉnh dự thảo.

3. Tại Điểm b, mục 3, phần A (Phí thăm quan công trình văn hóa):

- **Sở Tư pháp góp ý:** Tương tự như đã góp ý tại điểm b, mục 2 của Danh mục này. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bám sát quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để nghiên cứu, điều chỉnh đối tượng được miễn, giảm thu phí cho phù hợp.

Đồng thời, cơ quan soạn thảo cần rà soát, xử lý đối với Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định tạm thời phí thăm quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- **Sở Tài chính giải trình như sau:** Sở Tài chính tiếp thu và bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.

4. Về việc đóng góp của Sở Tài nguyên và Môi trường:

Sau khi hết thời hạn lấy ý kiến đóng góp (ngày 07/6/2020), Sở Tài chính đã hoàn chỉnh dự thảo đề nghị Sở Tư pháp thẩm định thì ngày 09/6/2020, Sở Tài chính nhận được Công văn số 1385/STNMT-VP của Sở Tài nguyên và Môi Trường về việc góp ý nội dung dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí, theo đó, tại mục 4 của công văn đơn vị góp ý như sau: "Tại mục 12, phần A của dự thảo Danh mục các khoản phí và lệ phí xin điều chỉnh lại thành mục 10 và tại điểm b mục này bổ sung thêm cơ quan thu phí đề án, báo cáo xả nước thải vào công trình thủy lợi là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn".

Xét thấy ý kiến góp ý của Sở Tài nguyên và Môi trường phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 13 và khoản 2 Điều 17 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy Lợi. Do đó, Sở Tài chính tiếp thu và thực hiện hiệu chỉnh dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là báo cáo tiếp thu ý kiến và giải trình của Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (phối hợp);
- Ban Giám đốc (VIC);
- Lưu: VT, HCSN (M.Kha).

GIÁM ĐỐC



Đoàn Quốc Khởi

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 399/SKHCN-VPS

Cà Mau, ngày 02 tháng 6 năm 2020

V/v ý kiến đóng góp dự thảo văn bản
quy phạm pháp luật về phí, lệ phí

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Cà Mau.

Sở Khoa học và Công nghệ nhận được Công văn số 1649/STC-HCSN ngày 29/5/2020 của Sở Tài chính Cà Mau về việc lấy ý kiến đóng góp dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí, Sở Khoa học và Công nghệ thống nhất với nội dung dự thảo Tờ trình và Nghị quyết.

Tuy nhiên, cần điều chỉnh và bổ sung lại cho phù hợp tại một số lỗi đánh máy như Danh mục các khoản phí, lệ phí, phần A các khoản phí “mục 5 phí thu viện, điểm d Mức thu: thứ tự 1 phần nội dung *Độc mượn ...* chỉnh lại *Độc mượn ...*” và phần B các khoản lệ phí “mục 6 lệ phí cấp giấy phép xây dựng, điểm c Đối tượng miễn thu: ... *hộ đình*, bổ sung ... *hộ gia đình*”

Trên đây là ý kiến góp ý của Sở Khoa học và Công nghệ, kính gửi đến Sở Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Châu Văn Thọ

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 864 /SCT-TTr

Cà Mau, ngày tháng 6 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết
của Hội đồng nhân dân
về phí và lệ phí

Kính gửi: Sở Tài chính

Sở Công Thương nhận được Công văn số 1649/STC-HCSN ngày 29/5/2020 của Sở Tài chính về việc lấy ý kiến đóng góp dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí. Sau khi nghiên cứu dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết nêu trên, Sở Công Thương cơ bản thống nhất về sự cần thiết ban hành, bố cục, nội dung của dự thảo, không có ý kiến đóng góp.

Trên đây là ý kiến của Sở Công Thương chuyển đến Sở Tài chính tỉnh để tổng hợp. /s/

Nơi nhận:

- Như trên (VIC);
- Lưu: VT; TTr.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Dương Vũ Nam

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1143~~/SVHTTDL-VHGD

Cà Mau, ngày 03 tháng 6 năm 2020

V/v ý kiến đóng góp dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về phí và lệ phí

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Cà Mau

Căn cứ Công văn số 1649/STC-HCSN ngày 29/5/2020 của Sở Tài chính về việc lấy ý kiến đóng góp dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí.

Qua nghiên cứu dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh ban hành Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cơ bản thống nhất về các dự thảo nêu trên. Tuy nhiên, đối với Danh mục các khoản phí và lệ phí (*Kèm theo Nghị quyết số...../2020/NQ-HĐND ngày.....tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau*) thì có ý kiến đóng góp như sau:

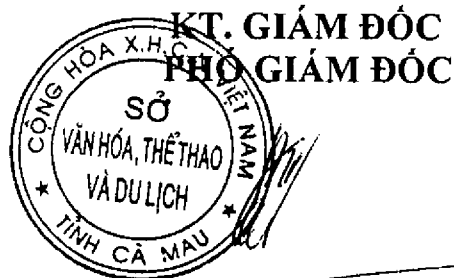
- Tại điểm b, mục 2, phần A của Danh mục: **Đối tượng không thu phí** đề nghị sửa lại thành: “Đối tượng được miễn, giảm thu phí” và bổ sung đối tượng được miễn, giảm thu phí (*theo Đề án số 06/ĐA-SVHTTDL ngày 28/5/2020 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

- Tại điểm b, mục 3, phần A của Danh mục: **Đối tượng không thu phí** đề nghị sửa lại thành: “Đối tượng được miễn, giảm thu phí” và bổ sung đối tượng được miễn, giảm thu phí (*theo Đề án số 05/ĐA-SVHTTDL ngày 27/5/2020 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

Trên đây là ý kiến đóng góp của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về phí và lệ phí. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VHGD.



Giêu Minh Giôn



UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *919* /SNV-TT
V/v đóng góp dự thảo
VB QPPL về phí, lệ phí

Cà Mau, ngày 04 tháng 6 năm 2020

Kính gửi: Sở Tài chính.

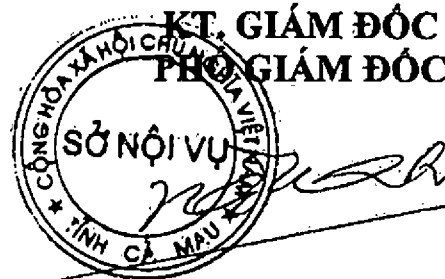
Sở Nội vụ nhận được Công văn số 1649/STC-HCSN ngày 29/5/2020 của Sở Tài chính lấy ý kiến đóng góp dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Sở Nội vụ thống nhất nội dung các dự thảo. Về kỹ thuật trình bày văn bản, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên đây là ý kiến đóng góp của Sở Nội vụ, chuyển đến Sở Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TT.



Huỳnh Ngọc Sang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI**

Số: ~~1994~~UBND-VP

V/v góp ý dự thảo văn bản
quy phạm pháp luật về phí, lệ phí

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đàm Dơi, ngày 05 tháng 6 năm 2020

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Cà Mau

Thực hiện Công văn số 1649/STC-HCSN ngày 29/5/2020 của Sở Tài chính tỉnh Cà Mau về việc lấy ý kiến đóng góp dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí.

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo Tờ trình ban hành Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau và dự thảo Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Ủy ban nhân dân huyện Đàm Dơi thống nhất với nội dung dự thảo Tờ trình và Nghị quyết, không có ý kiến góp ý.

Ủy ban nhân dân huyện Đàm Dơi báo cáo Sở Tài chính tỉnh Cà Mau./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Trang.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Phương Bình



**UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10201 /SKHĐT-ĐKKD
V/v ý kiến đóng góp dự thảo
văn bản quy phạm pháp luật
về phí, lệ phí

Cà Mau, ngày 3 tháng 6 năm 2020

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Cà Mau.

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Công văn số 1649/STC-HCSN ngày 29/5/2020 của Sở Tài chính về việc lấy ý kiến đóng góp dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí. Về vấn đề này, Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau gửi kèm theo Công văn nêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư thống nhất phần nội dung Lệ phí đăng ký kinh doanh (nội dung không thay đổi so với Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 27/4/2017 về lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh, chỉ thay đổi văn bản nguồn).

Sở Kế hoạch và Đầu tư xin gửi Sở Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, ĐKKD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Chí Thiện



CƠ QUAN: SỞ XÂY DỰNG, TỈNH CÀ MAU
Email: soxaydung@camau.gov.vn
Thời gian ký: 04.06.2020 08:33:34
+07:00

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ XÂY DỰNG

Số: 1569 /SXD-VP
V/v đóng góp ý kiến đối với dự thảo
văn bản quy phạm pháp luật
về phí, lệ phí

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 02 tháng 06 năm 2020

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Cà Mau.

Sở Xây dựng nhận được Công văn số 1649/STC-HCSN ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Sở Tài chính tỉnh Cà Mau về việc lấy ý kiến đóng góp dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo (lần 2) Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau và dự thảo (lần 2) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Sở Xây dựng thống nhất với nội dung dự thảo Tờ trình và Nghị quyết nêu trên và không có ý kiến đóng góp thêm.

Sở Xây dựng gửi đến Sở Tài chính để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGD Sở (VIC)
- Lưu: VT, Hao 01.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đặng Thái Nguyên



**UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1589 /SNN-KL

Cà Mau, ngày 02 tháng 6 năm 2020

V/v đóng góp ý kiến văn bản quy
phạm pháp luật về phí, lệ phí

Kính gửi: Sở Tài Chính tỉnh Cà Mau

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được Công văn số 1649/STC-HCSN ngày 29/5/2020 về việc lấy ý kiến đóng góp dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí. Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau:

Liên quan đến lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là: Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, rừng giống, vườn giống cây trồng lâm nghiệp; trong Dự thảo tại Khoản 1 Mục A của Danh mục các khoản phí, lệ phí (trang 4). Dự thảo đã xây dựng đúng với Đề án do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình. Tuy nhiên, qua nghiên cứu, rà soát; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin đính chính về đối tượng nộp như sau:

“a. Đối tượng nộp

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp thuộc danh mục các loài cây trồng lâm nghiệp do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành”.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đính chính lại đối tượng nộp trong Đề án và chuyển lại Sở Tài chính, kèm theo Công văn này; các nội dung khác của Đề án và của Dự thảo Nghị quyết đối với phần *Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, rừng giống, vườn giống cây trồng lâm nghiệp* là không thay đổi.

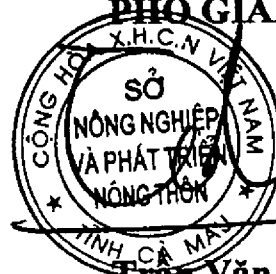
Trên đây là ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kính chuyển Sở Tài chính xem xét tổng hợp. /

(Gửi kèm theo Đề án đã chỉnh sửa)

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGDLN;
- Lưu VT, (Thuán).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Văn Thức

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 227/SGDĐT-KHTC

Cà Mau, ngày 02 tháng 6 năm 2020

V/v góp ý Dự thảo văn bản
quy phạm pháp luật

Kính gửi: Sở Tài chính

Ngày 29/5/2020, Sở Giáo dục và Đào tạo nhận được Công văn số 1649/STC-HCSN của Sở Tài chính về việc lấy ý kiến đóng góp dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí.

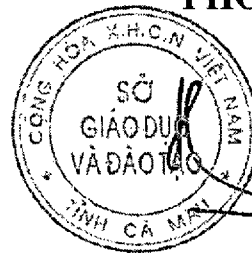
Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Sở Giáo dục và Đào tạo thống nhất với nội dung của dự thảo.

Sở Giáo dục và Đào tạo chuyển đến Sở Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở (VIC);
- Lưu VT; P.KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Hoàng Dự

Sở Giáo
dục và
Đào tạo
02.06.20
20
14:02:5
2
+07:00





UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1385/STNMT-VP
V/v góp ý nội dung dự thảo
văn bản quy phạm pháp luật
về phí, lệ phí

Cà Mau, ngày 08 tháng 6 năm 2020

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Cà Mau

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Công văn số 1649/STC-HCSN ngày 29/5/2020 của Sở Tài chính về việc lấy ý kiến đóng góp Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí.

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo (lần 2) Nghị quyết về phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Sở Tài nguyên và Môi trường cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo nêu trên. Tuy nhiên, tại Danh mục các khoản phí và lệ phí có một số ý kiến đóng góp như sau:

1. Về Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

- Tại điểm a thuộc mục 6 phần A của dự thảo Danh mục các khoản phí và lệ phí: Đề nghị bỏ đối tượng nộp phí là "*đề án bảo vệ môi trường chi tiết*".

- Tại điểm c thuộc mục 6 phần A của dự thảo Danh mục các khoản phí và lệ phí: Đề nghị bỏ mức thu phí thẩm định lại đối với "*đề án bảo vệ môi trường chi tiết*".

- Tại điểm d thuộc mục 6 phần A của dự thảo Danh mục các khoản phí và lệ phí: Đề nghị điều chỉnh lại như sau:

"Đơn vị thu nộp 30% số phí thu được vào Ngân sách nhà nước, được trích để lại 70% trên tổng số phí thu được để chi phí cho các công tác liên quan thu phí, số còn lại thực hiện chế độ tự chủ của cơ quan theo quy định".

2. Về Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

- Tại điểm a thuộc mục 7 phần A của dự thảo Danh mục các khoản phí và lệ phí: bị lặp từ "*phương án cải tạo, phục hồi môi trường*", đề nghị chỉnh sửa lại như sau: "*Chủ đầu tư các dự án, chủ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gửi hồ sơ đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau*".

- Tại điểm d thuộc mục 7 phần A của dự thảo Danh mục các khoản phí và lệ phí: Đề nghị điều chỉnh lại như sau:

"Đơn vị thu nộp 30% số phí thu được vào Ngân sách nhà nước, được trích để lại 70% trên tổng số phí thu được để chi phí cho các công tác liên quan thu phí, số còn lại thực hiện chế độ tự chủ của cơ quan theo quy định".

3. Tại các mục 9, 10, 11 của phần A của dự thảo Danh mục các khoản phí và lệ phí đề nghị gom lại thành một mục 9 như sau:

“9. Phí Thẩm định đề án thăm dò nước dưới đất; Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất; Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất; Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt; Thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất có công suất dưới 3.000 m³/ngày đêm

a. Đối tượng nộp phí

Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu và được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định đề án thăm dò nước dưới đất; báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất; báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất, đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt; hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất có công suất dưới 3.000 m³/ngày đêm

b. Đơn vị thu phí

Sở Tài nguyên và Môi trường

c. Mức thu phí:

Số TT	Quy mô lưu lượng	Mức phí (đồng/hồ sơ)
1	Thẩm định đề án thăm dò nước dưới đất	
a	Đề án có lưu lượng nước dưới 200 m ³ /ngày đêm	400.000
b	Đề án có lưu lượng nước từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	1.100.000
c	Đề án có lưu lượng nước từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm	2.600.000
d	Đề án có lưu lượng nước từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	5.000.000
2	Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất	
a	Báo cáo có lưu lượng nước dưới 200 m ³ /ngày đêm	400.000
b	Báo cáo có lưu lượng nước từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	1.400.000
c	Báo cáo có lưu lượng nước từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm	3.400.000
d	Báo cáo có lưu lượng nước từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	6.000.000
3	Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất	
a	Báo cáo có lưu lượng nước dưới 200 m ³ /ngày đêm	400.000
b	Báo cáo có lưu lượng nước từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	1.100.000

c	Báo cáo có lưu lượng nước từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm	2.600.000
d	Báo cáo có lưu lượng nước từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	5.000.000
4	Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt	
a	Đề án, báo cáo có lưu lượng từ 100 m ³ /ngày đêm đến dưới 10.000 m ³ /ngày đêm.	600.000
b	Đề án, báo cáo có lưu lượng từ 10.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 20.000 m ³ /ngày đêm.	1.800.000
c	Đề án, báo cáo có lưu lượng từ 20.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 30.000 m ³ /ngày đêm.	4.400.000
d	Đề án, báo cáo có lưu lượng từ 30.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 50.000 m ³ /ngày đêm.	8.400.000
5	Thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất có công suất dưới 3.000 m³/ngày đêm	1.400.000
6	Trường hợp thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất, nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy và hành nghề khoan nước dưới đất	50% mức thu trên

- Tại điểm d thuộc mục 9,10,11,12 phần A của dự thảo Danh mục các khoản phí và lệ phí: Đề nghị điều chỉnh lại như sau:

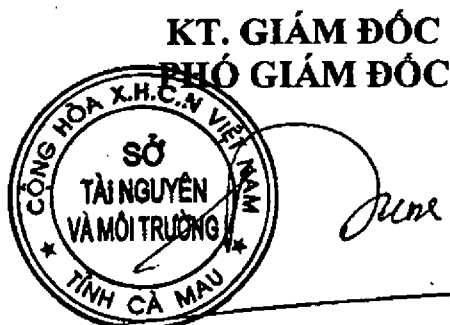
"Đơn vị thu nộp 20% số phí thu được vào Ngân sách nhà nước, được trích để lại 80% trên tổng số phí thu được để chi phí cho các công tác liên quan thu phí, số còn lại thực hiện chế độ tự chủ của cơ quan theo quy định".

4. Tại mục 12, phần A của dự thảo Danh mục các khoản phí và lệ phí xin điều chỉnh lại thành mục 10 và tại điểm b mục này bổ sung thêm cơ quan thu phí đề án, báo cáo xả nước thải vào công trình thủy lợi là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Bởi vì, theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi (quy định tại khoản 4 Điều 13 và khoản 2 Điều 17).

Sở Tài nguyên và Môi trường gửi đến Sở Tài chính để tổng hợp. *h.đ*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BPKT(Út).



Huỳnh Thanh Dũng

